

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 11 - 2018
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.

2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 578/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 234/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã Ba S, huyện Cao L1, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Huỳnh Văn D, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã Ba S, huyện Cao L1, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2018, tại phiên hòa giải ngày 12/10/2018, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh D sống chung từ năm 1998, đến nay không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc. Thời gian sau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cự cãi, bất đồng ý kiến. Từ tháng 9/2017, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 29/5/1999 và Huỳnh Tấn L2, sinh ngày 28/12/2004, hiện con chung do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T thống nhất nếu con chung Huỳnh Tấn L2 có nguyện vọng sống cùng với ai thì người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung tên Huỳnh Thị Lan A đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 12/10/2018, bị đơn là anh Huỳnh Văn D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh D thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian chung sống cũng như việc anh và chị T không đăng ký kết hôn là đúng. Nay giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống được nữa nên anh D đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 29/5/1999 và Huỳnh Tấn L2, sinh ngày 28/12/2004, hiện con chung do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh D thống nhất nếu con chung Huỳnh Tấn L2 có nguyện vọng sống cùng với ai thì người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung tên Huỳnh Thị Lan A đã trưởng thành nên anh D không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Chị T và anh D đã thống nhất được các nội dung sau:

- Về hôn nhân: Chị T và anh D chung sống như vợ chồng từ năm 1998 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị T yêu cầu ly hôn, anh D đồng ý.

- Về nuôi con: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 29/5/1999 và Huỳnh Tấn L2, sinh ngày 28/12/2004.

Chị T và anh D thống nhất nếu con chung Huỳnh Tấn L có nguyện vọng sống cùng với ai thì người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung Huỳnh Thị Lan A đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Giấy khai sinh Huỳnh Tấn L2, sinh ngày 28/12/2004 (Bản sao);

- Giấy chứng minh nhân dân Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 29/5/1999 (Bản phô tô).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về ly hôn, địa chỉ của bị đơn tại huyện Cao L1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị Thu T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Huỳnh Văn D là bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị T và anh D sống chung từ năm 1998, không đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị T và anh D có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay giữa chị T và anh D đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị T yêu cầu ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh D.

[2] Về nuôi con:

Chị T và anh D có 02 con chung tên Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 29/5/1999 và Huỳnh Tấn L2, sinh ngày 28/12/2004, hiện con chung do chị T nuôi dưỡng. Con chung Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 29/5/1999 đã trưởng thành. Chị T và anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung Huỳnh Tấn L2, chị T và anh D thống nhất nếu cháu L2 có nguyện vọng sống cùng với ai thì người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Theo bản tự khai của cháu L2 vào ngày 15/10/2018 có nguyện vọng sống với chị T. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận sự thỏa thuận của chị T và anh D.

[3] Anh D không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị T và anh D đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh D trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thu T và anh Huỳnh Văn D là vợ chồng.

2. Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu T được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Tấn L2, sinh ngày 28/12/2004. Anh Huỳnh Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Đối với con chung Huỳnh Thị Lan An, sinh ngày 29/5/1999 đã trưởng thành. Chị T và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị T và anh D đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T và anh D trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000886, ngày 04/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Phương Thảo

